

Số: 38/2019/NQ-HĐND

Vĩnh Phúc, ngày 15 tháng 7 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Về việc hỗ trợ xây dựng, sửa chữa, cải tạo cống, rãnh thoát nước
và nạo vét các thủy vực tiếp nhận nước thải, khắc phục ô nhiễm môi trường
tại các khu dân cư trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC KHÓA XVI KỲ HỌP THỨ 12

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 55 Nghị định 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ Về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Xét Tờ trình số 62/TTr-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về việc đề nghị ban hành Nghị quyết hỗ trợ xây dựng, sửa chữa, cải tạo cống rãnh thoát nước và nạo vét các thủy vực tiếp nhận nước thải, khắc phục ô nhiễm môi trường tại các khu dân cư trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh, ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hỗ trợ xây dựng, sửa chữa, cải tạo cống, rãnh thoát nước và nạo vét các thủy vực tiếp nhận nước thải, khắc phục ô nhiễm môi trường tại các khu dân cư trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc, như sau:

1. Hỗ trợ xây dựng, sửa chữa, cải tạo cống, rãnh thoát nước.

a) Đối tượng hỗ trợ: Các xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

b) Mức và hình thức hỗ trợ:

Mức hỗ trợ: Ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 100% chi phí vật liệu xây dựng bằng dự toán theo thiết kế mẫu được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phần kinh phí còn lại do nhân dân đóng góp và các nguồn khác.

Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ bằng tiền.

c) Nội dung hỗ trợ:

Xây dựng mới các tuyến cống, rãnh, bao gồm: Những tuyến đường chưa có cống, rãnh thoát nước; những tuyến đường đã có cống, rãnh nhưng bằng đất; những tuyến đường đã có cống, rãnh được cứng hóa nhưng bị hư hỏng, xuống cấp không thể tận dụng để cải tạo, sửa chữa; những tuyến đường có cống, rãnh nhưng mặt cắt nhỏ hơn thiết kế mẫu được cấp có thẩm quyền phê duyệt không đảm bảo tiêu, thoát nước thải.

Cải tạo, sửa chữa các tuyến cống, rãnh bao gồm: Các tuyến cống, rãnh bị hư hỏng, xuống cấp nhưng vẫn có thể tận dụng một phần của hạng mục đã được xây dựng hoặc những tuyến cống, rãnh không có nắp đậy hoặc có nắp đậy nhưng bị hư hỏng xuống cấp không sử dụng được.

d) Nguồn kinh phí thực hiện:

Nguồn ngân sách cấp tỉnh 300 tỷ đồng, trong đó: Từ nguồn tăng thu 100 tỷ đồng, nguồn tiết kiệm chi 50 tỷ đồng, nguồn kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 - 2020 là 150 tỷ đồng.

Nguồn kinh phí do nhân dân đóng góp và các nguồn khác: 245 tỷ đồng.

đ) Thời gian thực hiện: Đến hết năm 2020.

2. Hỗ trợ nạo vét, cải tạo các thủy vực tiếp nhận nước thải tại các khu dân cư.

a) Đối tượng hỗ trợ: Các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

b) Mức hỗ trợ: 100% ngân sách nhà nước, trong đó: nguồn ngân sách cấp tỉnh: 50%; ngân sách cấp huyện: 30% và ngân sách cấp xã: 20%.

c) Điều kiện hỗ trợ: Các thủy vực tiếp nhận nước thải (ao, hồ, đầm, kênh

tiêu) đang bị ô nhiễm môi trường nghiêm trọng có dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác.

đ) Thời gian thực hiện: Đến hết năm 2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc Khóa XVI, Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 26 tháng 7 năm 2019. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính; Bộ Kế hoạch và đầu tư; Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân, Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam, Đoàn đại biểu quốc hội tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Đảng ủy Khối các cơ quan, Đảng ủy Khối doanh nghiệp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân,
- Thường trực các huyện, thành ủy; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam cấp huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn;
- Báo Vĩnh Phúc, Đài Phát thanh và Truyền hình, Cổng Thông tin - Giao tiếp điện tử tỉnh;
- Chánh phó Văn phòng, Chuyên viên Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Lưu: VT, TH(01).T(100).

CHỦ TỊCH



Trần Văn Vinh